

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	Trang
1	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
2	Báo cáo kiểm toán độc lập	5
3	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 7
	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	8
	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	9
	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính</i>	10 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2020 là 551.135.950.000 đồng.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200228141 ngày 23/05/2016 ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm 2020 và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Ông Đỗ Hữu Phước	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Văn Lưu	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Cao Thanh Nam	Thành viên hội đồng quản trị	
Ông Đoàn Kim Chung	Thành viên hội đồng quản trị	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Nguyễn Chơn Biên	Thành viên hội đồng quản trị	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020
Ông Huỳnh Duy Hiền	Thành viên hội đồng quản trị	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc bao gồm

Ông Cao Thanh Nam	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Mai	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban kiểm soát bao gồm

Ông Lê Chiến Sỹ	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Hồng Minh	Thành viên	
Bà Phạm Thị Vân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông Nguyễn Hữu Trung	Thành viên	Bầu bổ sung ngày 27/6/2020

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Cao Thanh Nam, chức vụ Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính năm 2020 đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - chi nhánh Phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 038/2021/BCKT-PB.00369

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 kèm theo của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 01 năm 2021, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày,

phù hợp với chuẩn
có liên quan đến việc

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Giấy CNĐKHNT số 2030-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		301.180.251.721	421.746.359.950
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	68.603.860.356	37.836.077.561
1. Tiền	111		68.603.860.356	37.836.077.561
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.803.202.615	134.474.297.469
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	32.907.597.817	130.711.410.327
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.837.777.963	4.491.770.336
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	6.902.728.289	3.730.464.877
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(4.844.901.454)	(4.459.348.071)
IV. Hàng tồn kho	140		185.163.350.520	242.320.571.272
1. Hàng tồn kho	141	5.4	185.163.350.520	243.306.675.558
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(986.104.286)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.609.838.230	7.115.413.648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5.a	5.606.235.674	7.085.624.773
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11b	3.602.556	29.788.875
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		979.087.438.453	1.049.984.828.369
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		965.957.729.198	1.034.711.047.381
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	964.468.311.169	1.032.580.334.637
- Nguyên giá	222		1.777.827.624.810	1.773.981.202.795
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(813.359.313.641)	(741.400.868.158)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	1.489.418.029	2.130.712.744
- Nguyên giá	228		4.296.355.380	4.296.355.380
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.806.937.351)	(2.165.642.636)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.8	699.664.039	1.105.776.503
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		699.664.039	1.105.776.503
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.9	3.000.000.000	3.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		9.430.045.216	11.168.004.485
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5.b	9.430.045.216	11.168.004.485
TỔNG TÀI SẢN	270		1.280.267.690.174	1.471.731.188.319

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ		300		595.493.873.358	803.714.205.279
I. Nợ ngắn hạn		310		343.885.226.885	442.105.558.806
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	5.10	47.430.425.047	50.958.559.739
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312		17.891.382.925	5.834.021.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	5.11a	12.048.157.363	8.790.942.245
4. Phải trả người lao động		314		14.316.188.068	13.709.507.775
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	5.12	5.567.333.214	5.617.202.121
8. Phải trả ngắn hạn khác		319	5.13	797.152.807	17.352.353.068
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	5.14	238.578.488.585	333.634.738.213
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322		7.256.098.876	6.208.234.298
II. Nợ dài hạn		330		251.608.646.473	361.608.646.473
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	5.14	251.608.646.473	361.608.646.473
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		684.773.816.816	668.016.983.040
I. Vốn chủ sở hữu		410	5.15	684.773.816.816	668.016.983.040
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu		411a		551.135.950.000	551.135.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi		411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần		412		11.999.994.000	11.999.994.000
3. Quỹ đầu tư phát triển		418		105.340.964.076	93.776.096.773
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		420		-	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		16.296.908.740	11.104.942.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		-	118.713.343
- LNST chưa phân phối kỳ này		421b		16.296.908.740	10.986.228.924
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN		440		1.280.267.690.174	1.471.731.188.319

Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởngCao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	917.174.341.159	1.013.180.700.102
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	3.667.172.366	8.526.241.482
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		913.507.168.793	1.004.654.458.620
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	758.881.171.330	805.004.984.330
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		154.625.997.463	199.649.474.290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	575.620.055	1.195.727.727
7. Chi phí tài chính	22	6.5	50.679.785.657	65.504.461.599
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		50.550.507.308	65.152.391.239
8. Chi phí bán hàng	25	6.6a	60.450.031.739	84.254.439.606
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6b	12.031.806.894	16.685.367.189
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.039.993.228	34.400.933.623
11. Thu nhập khác	31		3.628.235.257	253.246.029
12. Chi phí khác	32		3.983.476.577	164.656.870
13. Lợi nhuận khác	40		(355.241.320)	88.589.159
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.684.751.908	34.489.522.782
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	6.662.946.155	6.969.215.358
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		25.021.805.753	27.520.307.424
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	454	499
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		454	499



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi tiêu	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.017.544.782.390	981.776.315.701
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(651.591.261.045)	(755.580.429.157)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(45.827.281.423)	(51.776.853.809)
4. Tiền lãi vay đã trả	4	(52.256.077.333)	(66.057.979.658)
5. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5	(7.768.215.358)	(8.218.959.573)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	100.627.920.231	93.306.096.532
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(104.369.126.618)	(118.063.846.077)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	256.360.740.844	75.384.343.959
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.976.274.116)	(19.192.654.709)
2. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.918.471	20.533.294
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.961.355.645)	(19.172.121.415)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2. Tiền thu từ đi vay	33	471.359.795.870	653.770.404.758
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(676.416.045.498)	(667.959.891.019)
4. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.568.303.239)	(16.547.698.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(221.624.552.867)	(30.737.184.761)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	30.774.832.332	25.475.037.783
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	37.836.077.561	12.361.470.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.049.537)	(430.711)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	68.603.860.356	37.836.077.561



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG - Quảng Trị (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3200228141 ngày 28/10/2005, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 ngày 23/05/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp.

Công ty đã được Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 303031000020 ngày 27/09/2001 có giá trị 50 năm kể từ ngày cấp. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 03 lần điều chỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/04/2013 với số đăng ký là 30221000429.

Công ty được chấp thuận giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường UPCOM tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 958/QĐ-SGDHN ngày 16/12/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán MDF. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán MDF là 25/02/2011.

Trụ sở chính của Công ty tại KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 551.135.950.000 đồng.

Vốn thực góp tại ngày 31/12/2020 là 551.135.950.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo đăng ký là:

- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác. Chi tiết: Sản xuất gỗ ván nhân tạo (MDF, okal, ván phủ veneer, veneer, ván phủ melamin, ván ghép thanh và các sản phẩm từ gỗ);
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm từ gỗ;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh. Chi tiết: Sản xuất các loại nhựa UF, các loại keo dán;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng, khai thác nguyên liệu gỗ để sản xuất gỗ MDF, giấy và cây công nghiệp khác;
- Khai thác gỗ. Chi tiết: Sản xuất gỗ các loại;
- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ. Chi tiết: Sản xuất dăm gỗ nguyên liệu;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư xăng dầu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu gỗ ván nhân tạo; gỗ các loại, dăm gỗ nguyên liệu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: kinh doanh xuất nhập khẩu các loại nhựa UF, các loại keo dán, phân bón, hóa chất sử dụng phục vụ sản xuất công nghiệp;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: kinh doanh nhà hàng;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Chuẩn bị mặt bằng; Thi công các công trình điện cấp điện áp dưới 22KV;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Mua bán và xuất nhập khẩu máy móc thiết bị, dụng cụ dùng để sản xuất gỗ, xe, máy móc thiết bị, phụ tùng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán. Chi tiết: Kinh doanh đầu tư chứng khoán;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.5 Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4.6 Tài sản cố định và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với tài sản cố định là nhà cửa vật kiến trúc, phương tiện vận tải phục vụ quản lý: Công ty áp dụng phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Đối với tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải phục vụ sản xuất: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí phân bổ công cụ dụng cụ có giá trị lớn, giá trị còn lại của những tài sản có nguyên giá dưới 30 triệu theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013. Các chi phí này phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng. Thời gian phân bổ theo quy định hiện hành.

4.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

4.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên theo thông báo lãi của ngân hàng, vào thời điểm ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản của Công ty.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay phát sinh tại Công ty bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay phát sinh trong năm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

4.11 Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

4.12 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.13 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán
5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	52.942.963	215.915.034
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.550.917.393	37.620.162.527
Cộng	68.603.860.356	37.836.077.561

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên không liên quan	32.907.597.817	130.711.410.327
- Công ty Cổ Phần WILSON Hòa Bình	-	14.092.423.635
- Công Ty TNHH Chế biến gỗ Phương Trung.	-	14.530.205.004
- Công ty TNHH Bảo Lâm Quảng Trị	4.824.063.500	11.630.214.200
- Công ty TNHH Kim Long Quảng Trị	1.683.261.787	13.336.670.602
- Công Ty TNHH TM DV Và XNK Bảo Lâm	2.820.095.365	10.715.664.530
- Khách hàng khác	23.580.177.165	66.406.232.356
Cộng	32.907.597.817	130.711.410.327

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.902.728.289	118.917.278	3.730.464.877	53.397.971
- Kỳ cược, ký quỹ	4.553.771.040	-	1.756.822.200	-
- Phải thu khác	571.126.605	118.917.278	574.840.422	53.397.971
- Tạm ứng	1.777.830.644	-	1.398.802.255	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.902.728.289	118.917.278	3.730.464.877	53.397.971

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	71.538.666.322	-	54.359.248.546	-
Công cụ, dụng cụ	94.010.080.332	-	107.259.580.667	-
Chi phí SXKD DD	2.480.466.185	-	4.225.308.324	-
Thành phẩm	17.129.610.411	-	77.443.545.296	(986.104.286)
Hàng hóa	4.527.270	-	18.992.725	-
Cộng	185.163.350.520	-	243.306.675.558	(986.104.286)

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.5 Chi phí trả trước

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn	5.606.235.674	7.085.624.773
- Chi phí bảo hiểm	65.649.472	1.673.396.875
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	5.013.528.206	4.813.319.639
- Các khoản khác	527.057.996	598.908.259
b. Dài hạn	9.430.045.216	11.168.004.485
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	7.152.432.825	7.458.877.540
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	172.299.317	1.278.817.704
- Các khoản khác	2.105.313.074	2.430.309.241
Cộng	15.036.280.890	18.253.629.258

5.6 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy vi tính VND	Quyền sử dụng đất VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2020	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
31/12/2020	247.990.000	3.638.365.380	410.000.000	4.296.355.380
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
01/01/2020	212.077.744	1.950.911.638	2.653.254	2.165.642.636
- Khấu hao trong năm	26.790.130	603.891.569	10.613.016	641.294.715
31/12/2020	238.867.874	2.554.803.207	13.266.270	2.806.937.351
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2020	35.912.256	1.687.453.742	407.346.746	2.130.712.744
31/12/2020	9.122.126	1.083.562.173	396.733.730	1.489.418.029

- Không có TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2020	270.251.946.762	1.463.724.604.755	39.112.458.085	892.193.193	-	1.773.981.202.795
- Mua trong kỳ	-	60.000.000	2.827.272.727	-	-	2.887.272.727
- Đầu tư XDCB hoàn thành	488.718.337	-	-	-	470.430.951	959.149.288
31/12/2020	<u>270.740.665.099</u>	<u>1.463.784.604.755</u>	<u>41.939.730.812</u>	<u>892.193.193</u>	<u>470.430.951</u>	<u>1.777.827.624.810</u>
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2020	73.140.679.362	641.950.423.135	25.495.452.853	814.312.808	-	741.400.868.158
- Khấu hao trong kỳ	13.956.152.526	54.035.473.999	3.857.524.613	62.251.249	47.043.096	71.958.445.483
31/12/2020	<u>87.096.831.888</u>	<u>695.985.897.134</u>	<u>29.352.977.466</u>	<u>876.564.057</u>	<u>47.043.096</u>	<u>813.359.313.641</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2020	<u>197.111.267.400</u>	<u>821.774.181.620</u>	<u>13.617.005.232</u>	<u>77.880.385</u>	-	<u>1.032.580.334.637</u>
31/12/2020	<u>183.643.833.211</u>	<u>767.798.707.621</u>	<u>12.586.753.346</u>	<u>15.629.136</u>	<u>423.387.855</u>	<u>964.468.311.169</u>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

893.726.012.467 đồng
881.551.384.406 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.8 Tài sản dở dang

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá đánh giá lại	Giá gốc	Giá đánh giá lại	Giá gốc
	VND	VND	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang				-
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Anh	25.067.244	25.067.244	25.067.244	25.067.244
- Đầu tư LD trồng rừng với ông Bình	13.564.248	13.564.248	13.564.248	13.564.248
- Rừng xã Húc - Hướng Hóa	17.694.114	17.694.114	17.694.114	17.694.114
- Rừng xã Ba Nang, rừng Tân Hợp	643.338.433	643.338.433	643.338.433	643.338.433
- Sửa chữa các hạng mục tại MDF1	-	-	302.657.213	302.657.213
- Sửa chữa các hạng mục tại MDF2	-	-	103.455.251	103.455.251
Cộng	699.664.039	699.664.039	1.105.776.503	1.105.776.503

5.9 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đây là khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị, đến thời điểm 31/12/2020 Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị. Do cổ phiếu của Công ty cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị chưa được niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo đáng tin cậy về giá trị của cổ phiếu này nên Công ty đang ghi nhận giá trị khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính theo giá gốc và không trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư. Giá trị khoản đầu tư nêu trên ghi nhận trên Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2020 là 3.000.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	47.430.425.047	47.430.425.047	50.958.559.739	50.958.559.739
- Công ty CP TĐ Thiên Minh Đức	-	-	5.702.850.780	5.702.850.780
- Công ty Cổ Phần Hoá Chất Miền Bắc	12.034.491.180	12.034.491.180	7.132.732.250	7.132.732.250
- Cty TNHH hoá chất công nghệ Sam Sung VN	1.533.044.700	1.533.044.700	8.732.176.200	8.732.176.200
- IMAL SRL	-	-	3.074.725.500	3.074.725.500
- Công ty TNHH DV & TM Quyết Hiền	5.424.810.000	5.424.810.000	-	-
- Phải trả khác	28.438.079.167	28.438.079.167	26.316.075.009	26.316.075.009
b. Phải trả người bán là các bên liên quan		-	-	-
Cộng	47.430.425.047	47.430.425.047	50.958.559.739	50.958.559.739

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG – QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế và các khoản phải nộp	8.790.942.245	64.920.016.539	61.662.801.421	12.048.157.363
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	5.925.250.834	58.058.614.919	53.696.709.040	10.287.156.713
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.857.633.015	6.662.946.155	7.768.215.358	1.752.363.812
- Thuế thu nhập cá nhân	8.058.396	166.501.036	165.922.594	8.636.838
- Các loại thuế khác	-	31.954.429	31.954.429	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	8.625.412	8.625.412	-
Cộng	8.790.942.245	64.928.641.951	61.671.426.833	12.048.157.363
	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
b. Thuế và các khoản phải thu	29.788.875	223.855.849	197.669.530	3.602.556
- Thuế xuất nhập khẩu	29.788.875	223.855.849	197.669.530	3.602.556
Cộng	29.788.875	223.855.849	197.669.530	3.602.556

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn	5.567.333.214	5.617.202.121
- Trích trước lãi vay phải trả	4.030.624.124	5.617.202.121
- Trích trước chi phí vận chuyển	1.536.709.090	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	5.567.333.214	5.617.202.121

5.13 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn	797.152.807	17.352.353.068
- Kinh phí công đoàn	123.591.158	58.105.088
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	673.561.649	17.294.247.980
+ <i>Thù lao HĐQT, BKS</i>	8.000.000	84.000.000
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	300.072.397	16.877.375.636
+ <i>Các khoản khác</i>	365.489.252	332.872.344
b. Dài hạn	-	-
Cộng	797.152.807	17.352.353.068

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Vay và nợ thuê tài chính

TT	Nội dung	Giá trị	31/12/2020	Trong kỳ		Giá trị	01/01/2020
			Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn		238.578.488.585	238.578.488.585	551.359.795.870	646.416.045.498	333.634.738.213	333.634.738.213
-	Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Quảng Trị ⁽¹⁾	22.585.098.834	22.585.098.834	50.188.867.138	51.293.930.084	23.690.161.780	23.690.161.780
-	Ngân hàng TMCP Vietinbank - CN Quảng Trị ⁽²⁾	104.132.489.025	104.132.489.025	214.392.108.786	121.930.146.796	11.670.527.035	11.670.527.035
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị ⁽³⁾	31.860.900.726	31.860.900.726	206.778.819.946	411.691.968.618	236.774.049.398	236.774.049.398
-	Nợ dài hạn đến hạn trả - Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị	80.000.000.000	80.000.000.000	80.000.000.000	61.500.000.000	61.500.000.000	61.500.000.000
b. Vay dài hạn		251.608.646.473	251.608.646.473	-	110.000.000.000	361.608.646.473	361.608.646.473
-	Ngân hàng TMCP Vietcombank - CN Quảng Trị ⁽⁴⁾	251.608.646.473	251.608.646.473	-	110.000.000.000	361.608.646.473	361.608.646.473
	Cộng	490.187.135.058	490.187.135.058	551.359.795.870	756.416.045.498	695.243.384.686	695.243.384.686

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.14 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp)

(1) Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng cấp tín dụng số 27638.20.504.771154.TD ngày 29/06/2020 để bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn cấp hạn mức: đến hết ngày 10/06/2021 trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất: quy định cụ thể ở từng giấy nhận nợ. Hình thức đảm bảo: tín chấp.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng trị theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0406/2020-HĐCVHM/NHCT450-CTMDFQUANGTRI ngày 10/06/2020 để bổ sung vốn lưu động (không thanh toán công cụ dụng cụ) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh ván gỗ nhân tạo MDF. Hạn mức cho vay tối đa tại mọi thời điểm là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 10/06/2020 đến 31/05/2021, trong đó thời hạn cho vay của từng khoản nợ không quá 6 tháng, lãi suất cho vay: ghi cụ thể trên giấy nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa số 1703/2015HĐTCHH ngày 17/05/2015 và hợp đồng thế chấp tài sản số 1703/2015/HĐTCQTS ngày 17/05/2015.

(3) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 07BB/HĐHM/2020 ngày 20/10/2020. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay cho vay của từng khoản vay tối đa là 9 tháng, hạn mức tín dụng là 300 tỷ đồng. Mục đích vay để tài trợ vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, lãi suất vay theo từng khế ước nhận nợ. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản và các quyền đòi nợ quy định tại các hợp đồng thế chấp sau: hợp đồng thế chấp số 01/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 03/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 26/04/2014, hợp đồng số 02/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 04/2014/HĐTC/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014, hợp đồng số 496A/HĐTC/2017 tháng 9/2017, hợp đồng số 496B/HĐTC/2017 tháng 9/2017.

(4) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐTD/VCB-MDF.VRG ngày 11/04/2014 để thực hiện đầu tư dự án xây dựng nhà máy sản xuất MDF tại KCN Quán Ngang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Theo đó tổng hạn mức cho vay là 750 tỷ đồng được đảm bảo bằng quyền Tài sản hình thành trong tương lai và toàn bộ nhà xưởng xây dựng và dây chuyền sản xuất máy móc thiết bị đồng bộ của dự án sản xuất gỗ MDF công suất 60.000 m³/năm và quyền tài sản hình thành trong tương lai, thời hạn vay: 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất cho vay trong hạn bằng lãi suất huy động tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15 Vốn chủ sở hữu**5.15.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2020	551.135.950.000	11.999.994.000	-	93.776.096.773	-	11.104.942.267	668.016.983.040
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	25.021.805.753	25.021.805.753
- Trích lập các quỹ	-	-	-	11.564.867.303	-	-	11.564.867.303
- Tăng khác	-	-	45.295.090	-	-	-	45.295.090
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	(19.829.839.280)	(19.829.839.280)
- Giảm khác	-	-	(45.295.090)	-	-	-	(45.295.090)
31/12/2020	551.135.950.000	11.999.994.000	-	105.340.964.076	-	16.296.908.740	684.773.816.816

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 05/NQ-ĐHCGD.MDFQT ngày 27/6/2020:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	7.060.942.267	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	4.044.000.000	đồng
Tổng cộng	11.104.942.267	đồng

(*) Tạm phân phối lợi nhuận theo công văn số 41/HĐQTCSVN-TCKT ngày 18/01/2021 của Tập đoàn công nghiệp cao su Việt Nam:

- Trích quỹ đầu tư phát triển:	4.503.925.036	đồng
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi:	4.220.971.977	đồng
Tổng cộng	8.724.897.013	đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.15.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tập đoàn công nghiệp Cao su Việt Nam	467.617.480.000	467.617.480.000
- Công ty TNHH MTV cao su Tân Biên	33.671.550.000	33.671.550.000
- Công ty TNHH MTV cao su Quảng Trị	35.555.000.000	35.555.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	14.291.920.000	14.291.920.000
Cộng	551.135.950.000	551.135.950.000

5.15.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	55.113.595	55.113.595
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	55.113.595	55.113.595
+ Cổ phiếu phổ thông	55.113.595	55.113.595
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Doanh thu bán thành phẩm	917.174.341.159	1.013.180.700.102
Cộng	917.174.341.159	1.013.180.700.102

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	3.667.172.366	8.526.241.482
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	395.660.869	2.740.502.346
+ Giảm giá hàng bán	328.500.129	742.412.545
+ Hàng bán bị trả lại	2.943.011.368	5.043.326.591

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Giá vốn bán thành phẩm	758.881.171.330	805.004.984.330
Cộng	758.881.171.330	805.004.984.330

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.918.471	20.533.294
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		425.312.306
- Lãi chênh lệch tỷ giá	560.701.584	749.882.127
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Cộng	575.620.055	1.195.727.727

6.5 Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí lãi vay	50.550.507.308	65.152.391.239
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	92.969.777	352.070.360
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	36.308.572	-
Cộng	50.679.785.657	65.504.461.599

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
a. Các khoản chi phí bán hàng	60.450.031.739	84.254.439.606
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	66.901.344	18.772.169.372
- Chi phí nhân công	1.934.722.241	2.036.402.196
- Chi phí khấu hao TSCĐ	351.504.849	383.139.434
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	57.476.438.563	63.062.728.604
- Chi phí khác bằng tiền	620.464.742	-
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	12.031.806.894	16.685.367.189
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	139.536.357	306.314.258
- Chi phí nhân công	5.310.194.795	5.964.869.107
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.188.520.578	2.180.149.248
- Thuế, phí, lệ phí	659.081.696	793.678.909
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	385.553.383	2.894.651.506
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.198.026.419	4.245.848.124
- Chi phí khác bằng tiền	150.893.666	299.856.037

6.7. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.684.751.908	34.489.522.782
- Lợi nhuận của nhà máy MDF1	38.266.393.669	39.181.004.134
- Lợi nhuận của nhà máy MDF2	(6.581.641.761)	(4.691.481.352)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	577.067.154	370.086.091
- Thù lao Hội đồng quản trị	48.000.000	216.000.000
- Các khoản chi phí không hợp lý	484.164.577	154.086.091
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	44.902.577	-
Trừ các khoản thu nhập không chịu thuế	-	13.532.084
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	13.532.084
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	32.261.819.062	34.846.076.789
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF1	38.456.087.307	39.315.527.828
- Thu nhập chịu thuế nhà máy MDF2	(6.194.268.245)	(4.469.451.039)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.452.363.812	6.969.215.358
Truy thu thuế TNDN theo KTNN	210.582.343	-
Chi phí thuế TNDN năm 2020	6.662.946.155	6.969.215.358

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.021.805.753	27.520.307.424
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	55.113.595	55.113.595
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	454	499
(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
- Chi phí nguyên vật liệu	449.545.524.588	614.523.372.175
- Chi phí nhân công	50.581.538.706	53.296.054.368
- Khấu hao tài sản cố định	72.552.697.102	78.502.237.892
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	166.967.971.188	178.784.370.782
- Chi phí bằng tiền khác	877.819.929	3.948.937.991
Cộng	740.525.551.513	929.054.973.208

6.10 Công cụ tài chính**Quản lí rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Công ty thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2020	Giá trị ghi sổ 01/01/2020
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.603.860.356	37.836.077.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.810.326.106	134.441.875.204
Đầu tư dài hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	111.414.186.462	175.277.952.765
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	490.187.135.058	695.243.384.686
Phải trả người bán và phải trả khác	48.103.986.696	68.252.807.719
Chi phí phải trả	5.567.333.214	5.617.202.121
Cộng	543.858.454.968	769.113.394.526
Trạng thái ròng	(432.444.268.506)	(593.835.441.761)

Tại ngày 31/12/2020 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư số 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và giá khác như giá cổ phiếu. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Vay và nợ thuê tài chính	238.578.488.585	251.608.646.473	490.187.135.058
Phải trả người bán và phải trả khác	48.103.986.696	-	48.103.986.696
Chi phí phải trả	5.567.333.214	-	5.567.333.214
Cộng	292.249.808.495	251.608.646.473	543.858.454.968
01/01/2020			
Vay và nợ thuê tài chính	333.634.738.213	361.608.646.473	695.243.384.686
Phải trả người bán và phải trả khác	68.252.807.719	-	68.252.807.719
Chi phí phải trả	5.617.202.121	-	5.617.202.121
Cộng	407.504.748.053	361.608.646.473	769.113.394.526

Bảng sau đây trình bày chi tiết tài sản tài chính theo mức đáo hạn. Số liệu được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
31/12/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	68.603.860.356	-	68.603.860.356
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.810.326.106	-	39.810.326.106
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	108.414.186.462	3.000.000.000	111.414.186.462
01/01/2020			
Tiền và các khoản tương đương tiền	37.836.077.561	-	37.836.077.561
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.441.875.204	-	134.441.875.204
Đầu tư dài hạn	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	172.277.952.765	3.000.000.000	175.277.952.765

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GỖ MDF VRG - QUẢNG TRỊ

Địa chỉ: KCN Quán Ngang, xã Gio Quang, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020****6.11 Báo cáo bộ phận**

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh trong cùng khu vực địa lý mà không có sự khác biệt về điều kiện sản xuất kinh doanh và loại hình kinh doanh sản xuất là chủ yếu. Do đó, không có Báo cáo bộ phận được trình bày.

6.12 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngoại tệ các loại		
USD	144.771,49	66.157,96
EUR	314,29	325,21

7 Thông tin khác**7.1 Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của ban Tổng Giám đốc, HĐQT	851.782.377	1.191.153.600
Tiền lương, thưởng, phụ cấp HĐQT, Ban TGD	851.782.377	1.191.153.600

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với bên liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2020	Năm 2019
Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam	Công ty mẹ	Thuê văn phòng	49.003.200	39.441.600
		Thanh toán nợ	49.003.200	80.005.200

7.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán.



Cao Thanh Nam
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 29 tháng 01 năm 2021

Nguyễn Mạnh Cường
Kế toán trưởng

Cao Duy Hải
Người lập